

KINH NGHIỆM CỦA PH.ĂNGGHEN VỀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS, TS VŨ QUANG VINH
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

♦ **Tóm tắt:** Cùng với C.Mác, Ph.Ăngghen sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học, trở thành một nhà lý luận kiệt xuất của giai cấp công nhân thế giới. Mọi hoạt động của Ph.Ăngghen luôn hướng tới sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Vì vậy, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận được Ph.Ăngghen coi là nhiệm vụ quan trọng, cần tiến hành thường xuyên. Bài viết phân tích những kinh nghiệm của Ph.Ăngghen về tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và sự vận dụng ở Việt Nam.

♦ **Từ khóa:** Thực tiễn; Tổng kết thực tiễn; Ph.Ăngghen.

1. Kinh nghiệm của Ph.Ăngghen về tổng kết thực tiễn

Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen cho thấy những quan điểm lý luận của những người cộng sản không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát hiện ra. Những nguyên lý ấy là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của sự vận động lịch sử đang diễn ra. Còn theo Ph.Ăngghen, việc tổng kết thực tiễn, trước hết là để có cơ sở vững chắc cho lý luận và giải quyết tồn tại của lý luận ấy. Tổng kết thực tiễn nhằm phát hiện những yêu cầu nảy sinh từ thực tiễn, từ đó, phát triển lý luận; còn, xây dựng chiến lược, sách lược chính là giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Việc tổng kết kinh nghiệm của những người đi trước sẽ giúp người đi sau tránh được những sai lầm mà người đi trước

mắc phải. Ph.Ăngghen cho rằng, phong trào công nhân Anh, Pháp sử dụng được những kinh nghiệm mà các phong trào đó đã phải trả bằng một giá rất đắt, nên giờ đây có thể tránh được những sai lầm phần lớn không thể tránh được trước kia. Tổng kết thực tiễn bao gồm tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và tổng kết những thành tựu khoa học.

Với việc nhìn nhận về mục đích và ý nghĩa của việc tổng kết thực tiễn như vậy, Ph.Ăngghen đã hoàn thành nhiều công trình tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và những thành tựu khoa học. Những kinh nghiệm tổng kết thực tiễn của Ph.Ăngghen thể hiện ở những nội dung sau:

Một là, để có tài liệu tổng kết thực tiễn phải hiểu thực tiễn.

Kinh nghiệm của Ph.Ăngghen trong việc tham gia vào phong trào công nhân và các

cuộc vận động cách mạng giúp Ông có được tài liệu phong phú để khái quát tình cảnh giai cấp công nhân, khái quát các giai đoạn cách mạng, phân tích thái độ từng tầng lớp, giai cấp trong xã hội. Ph.Ăngghen viết: “Suốt trong hai mươi một tháng trời, do quan sát và do tiếp xúc bản thân, tôi đã có thể trực tiếp nghiên cứu giai cấp vô sản Anh, nghiên cứu những yêu cầu, những nỗi đau khổ và vui sướng của họ, đồng thời bổ sung sự quan sát của tôi bằng những nguồn tài liệu xác thực cần thiết. Những điều trình bày trong tác phẩm này là những điều tôi đã trông thấy, nghe thấy và đọc được”¹.

Hai là, sử dụng những tài liệu xác thực và từ những nguồn đáng tin cậy nhất.

Khi bình luận về quyển 1, bộ *Tư bản*, Ph.Ăngghen cho rằng, C.Mác đã trình bày lý luận của mình như là kết quả của thực tế, từ những nguồn đáng tin cậy nhất. Với phương pháp tiếp cận như vậy, Ph.Ăngghen đã sử dụng tất cả những tài liệu về các cuộc khởi nghĩa nông dân từ tác phẩm của Ximmoman khi viết *Chiến tranh nông dân ở Đức*. Theo Ph.Ăngghen, tác phẩm của Ximmoman tuy có một số thiếu sót, nhưng vẫn là một bản tổng hợp tốt nhất về các sự kiện thực tế. Ph.Ăngghen cho biết: “..., khi tôi không có tài liệu chính thức, mà muốn mô tả tình cảnh của những người lao động công nghiệp, tôi thường dùng dẫn chứng của *phái tự do* để đập giai cấp tư sản tự do bằng chính ngay dẫn chứng của họ, và tôi chỉ dẫn tài liệu của phái bảo thủ hay phái Hiến chương khi mà chính do kinh nghiệm bản thân, tôi được biết rằng sự kiện ấy là đúng, hoặc khi tiếng tăm của bản thân tác giả hay bài văn của tác giả tôi trích dẫn khiến tôi tin tưởng được rằng điều dẫn chứng ấy là xác thực”².

Ba là, sử dụng phương pháp thống kê để tập hợp và chọn lọc tư liệu.

Trong *Lời nói đầu viết cho tác phẩm “Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850” của*

C.Mác, Ph.Ăngghen viết: “Không thể nào nhìn tổng quát được rõ ràng lịch sử kinh tế của một thời kỳ lịch sử nhất định ngay trong lúc xảy ra các sự biến; chỉ mãi về sau, sau khi đã tập hợp và chọn lọc xong những tài liệu, người ta mới có thể làm được điều đó. Ở đây, thống kê là một phương tiện cần thiết, nhưng nó bao giờ nó cũng khập khiễng đi sau”³.

Bốn là, sử dụng những phương pháp khoa học phù hợp để nghiên cứu, tổng hợp tư liệu khi tổng kết thực tiễn.

Theo Ph.Ăngghen, sau khi tập hợp, thống kê được tư liệu thực tiễn thì khó khăn chỉ bắt đầu khi người ta bắt tay vào xem xét và sắp xếp tư liệu ấy, theo tiến trình lịch sử và khi bắt đầu miêu tả những tư liệu ấy. Việc khắc phục những khó khăn ấy tùy thuộc vào những tiền đề xuất hiện từ việc nghiên cứu quá trình hoạt động của đời sống hiện thực và hoạt động của những cá nhân trong từng thời đại một. Ông cho rằng, kinh nghiệm tổng kết thực tiễn khi sắp xếp và miêu tả những tư liệu tập hợp được cần sử dụng nhiều phương pháp biện chứng khác nữa; khi mô tả quá trình hoạt động sống thì lịch sử không còn là một tập hợp những sự kiện nữa. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên cũng vậy, sự nhìn nhận những tư liệu tích lũy được cũng dựa trên quan điểm biện chứng.

Ph.Ăngghen coi mỗi sự kiện là một quan hệ, bao gồm hai mặt liên quan với nhau. Trên cơ sở xem xét riêng từng mặt của mỗi quan hệ đó để rút ra tính chất của mỗi quan hệ qua lại, tác động lẫn nhau của mỗi quan hệ đó. Đồng thời, phát hiện những mâu thuẫn, cần giải quyết chúng bằng một quan hệ mới thông qua phân tích, xem xét hai mặt đối lập của mỗi quan hệ mới đó.

Phương pháp lô-gích cũng được Ph.Ăngghen hết sức chú trọng. Theo Ông: “Phương pháp nghiên cứu lô-gích là phương pháp nghiên cứu thích hợp duy nhất. Nhưng, về thực chất,

phương pháp này chẳng qua cũng là phương pháp lịch sử, có điều là đã thoát khỏi hình thái lịch sử và khỏi những hiện tượng ngẫu nhiên gây trở ngại mà thôi. Lịch sử bắt đầu từ đâu thì quá trình tư duy cũng phải bắt đầu từ đó, và sự vận động tiếp tục của nó chẳng qua là sự phản ánh quá trình lịch sử dưới một hình thái trừu tượng và nhất quán về lý luận; nó là sự phản ánh đã được uốn nắn, nhưng uốn nắn theo những quy luật mà bản thân quá trình lịch sử hiện thực đã cung cấp, hơn nữa mỗi một yếu tố đều có thể được xem xét ở cái điểm phát triển mà ở đó quá trình đạt tới chỗ hoàn toàn chín muồi, đạt tới cái hình thái cổ điển của nó”⁴.

Để tổng kết thực tiễn, chúng ta không chỉ cần kinh nghiệm mà còn phải có tư duy và phương pháp khoa học. Điều đó không phải là bẩm sinh, hoặc bỗng chốc có được mà phải trải qua một thời gian tương đối lâu dài trên cơ sở tiếp thu những thành tựu khoa học, lý luận của những thế hệ trước để lại và sự học hỏi của cá nhân.

2. Vận dụng kinh nghiệm của Ph.Ăngghen về tổng kết thực tiễn trong cách mạng Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi thành lập đã coi trọng nghiên cứu nâng cao trình độ lý luận, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đảng chú trọng tổng kết thực tiễn để làm rõ những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam:

Một là, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc.

Thực tiễn của phong trào cách mạng đã được Đảng tổng kết kịp thời để tiếp tục chỉ đạo phong trào và góp phần làm sáng tỏ lý luận cách mạng, nhất là cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chú ý tổng kết thực tiễn đấu tranh ngay từ phong trào cách mạng 1930-1931 trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*. Năm 1939, đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư

của Đảng viết tác phẩm *Tự chỉ trích*. Tác phẩm có giá trị lý luận và tổng kết thực tiễn sâu sắc, đề cập nhiều vấn đề lý luận về chiến lược, sách lược lãnh đạo của Đảng, uốn nắn những lệch lạc, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng phát triển sáng tạo và hoàn chỉnh tại các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939), (11-1940), đặc biệt là Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Đường lối đó là kết quả của sự phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng và có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của cao trào giải phóng dân tộc dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hai là, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng trở thành Đảng cầm quyền ở Việt Nam. Thời kỳ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc đòi hỏi phải nâng cao trình độ lý luận và năng lực tổng kết thực tiễn của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh phê phán những biểu hiện yếu kém về lý luận, coi thường lý luận hoặc lý luận suông không gắn với thực tiễn: “Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông... Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”⁵.

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951) đã tổng kết thực tiễn 21 năm lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tổng kết các phong trào cách mạng trong những năm 1930-1945, tổng kết những kinh nghiệm và bài học của Cách mạng Tháng Tám và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những tổng kết quan trọng đó vừa

phong phú về thực tiễn vừa làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, về chiến tranh nhân dân, về những vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội và xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân. Đó là cơ sở để làm rõ nhiều nội dung trong *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam*, khẳng định mục tiêu hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tạo tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (07-5-1954), Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954) được ký kết, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cách mạng giải phóng dân tộc, hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây cũng là thời kỳ các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế đang diễn ra cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và Công nhân tháng 11-1957 và tháng 11-1960 phản ánh xu hướng đó. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh công tác lý luận, chú trọng nắm vững đặc điểm, hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam, khắc phục chủ nghĩa xét lại. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam để đề ra đường lối thích hợp, hoàn thành cách mạng giải phóng miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng ta còn có nhiều nhược điểm mà một trong những nhược điểm lớn là trình độ lý luận còn thấp kém”; “..., vì trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng lớn và phức tạp, trong việc lãnh đạo, Đảng ta không khỏi lúng túng, không tránh khỏi sai lầm khuyết điểm, ví dụ như chúng ta đã phạm những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, hoặc những khuyết điểm trong việc lãnh đạo kinh tế”⁶.

Ba là, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bộc lộ nhiều khuyết tật, hạn chế trong cơ chế, giải pháp và trong thực hiện mục tiêu. Cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, hành chính, bao cấp bên cạnh những yếu tố tích cực đã ngày càng bộc lộ những tiêu cực, cản trở sự phát triển. Cơ chế đó cùng với những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác đã làm Việt Nam dần lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Để thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng, Nhà nước đã tìm tòi, thử nghiệm và từ thực tiễn để đột phá đổi mới tư duy lý luận, khắc phục sự yếu kém, chậm trễ về lý luận. Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã tự phê bình, nhận rõ sự hạn chế về trình độ lý luận và công tác lý luận: “Đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hoá, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hoá đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng đúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế”⁷. Vì vậy, đường lối đổi mới bắt đầu từ sự đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và những quy luật, đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

Tổng kết thực tiễn thời kỳ đổi mới, trước hết là xây dựng, bổ sung phát triển đường lối đổi mới, cương lĩnh xây dựng đất nước phù hợp với mục tiêu và yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bảo đảm cho đất nước không đi chệch hướng xã

hội chủ nghĩa, không sai lầm về đường lối. Rèn luyện bản lĩnh chính trị và trách nhiệm chính trị của Đảng cầm quyền. Về tư tưởng, lý luận, trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; không ngừng tổng kết thực tiễn làm rõ những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam. Chú trọng đổi mới và chỉnh đốn Đảng về tổ chức, hoàn thiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, coi trọng công tác cán bộ, đảng viên. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "...tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo chính xác và kịp thời và có chủ trương, chính sách xử lý hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta"⁸.

Tóm lại, những kinh nghiệm của Ph.Ăngghen về tổng kết thực tiễn rất có giá trị đối với chúng ta hiện nay, khi Đảng coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành, gắn nghiên cứu thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại □

ĐẢNG TA LÀ "ĐẠO ĐỨC"...

(Tiếp theo trang 7)

Vì vậy, kiên trì bản chất giai cấp công nhân của Đảng, thể hiện qua đường lối chính trị, qua hoạt động của Nhà nước và toàn hệ thống chính trị, qua công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng... là phương thức để củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, để Đảng xứng đáng là "Đạo đức", là "Văn minh".

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, với truyền thống của một chính đảng mác xít chân chính, hiện thân của "Đạo đức", "Văn minh", Đảng ta sẽ tiếp tục là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng vĩ đại của mình □

^{1, 2} C.Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 2, tr.326; 328.

³ C.Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 22, tr.753.

⁴ C.Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1993, tập 13, tr.614-615.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 5, tr. 273.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 11, tr.90, 91.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2006, tập 47, tr.361.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H., 2016, tr.17.

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2002, tập 4, tr.624.

^{2, 3} V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2005, tập 6, tr.30; 32.

⁴ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2005, tập 24, tr.47-48.

^{5, 6, 7} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 2, tr.289; 289; 289.

^{8, 9, 10} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 15, tr.546; 546-547; 611-612.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 5, tr.289.

^{12, 15} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 2011, tập 7, tr.25; 231.

¹³ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M., 1979, tập 8, tr.366.

^{14, 16} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XII của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, tỉnh và tương đương), tháng 4-2020, tr.3; 24.